

Ống nhựa
PUN-V0-10X2-SW-C
Số bộ phận: 561700

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Ø ngoài	10 mm
bán kính uốn liên quan đến dòng chảy	42 mm
Ø trong	6 mm
Bán kính uốn tối thiểu	12 mm
Đặc tính ống	thích hợp cho măng xích
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPA...0.9 MPA -0.95 bar...9 bar -13.775 psi...130.5 psi
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0.095 MPA...1.6 MPA -0.95 bar...16 bar -13.775 psi...232 psi
Lưu ý về áp suất vận hành	Đối với các ứng dụng có tia hàn: tối đa 1 MPa ở 20 °C, tối đa 0,9 MPa ở 40 °C, tối đa 0,7 MPa ở 60 °C Nước: tối đa 0,6 MPa ở tối đa 50 °C
Giấy phép	TÜV
Cơ quan cấp chứng chỉ	B 013277 0506 00
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-] Nước (chất lỏng, không có đá)
Kiểm tra độ cháy vật liệu	UL94 V-0 (3mm) UL94 V-2 (0,75mm)
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-35 °C...60 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	sử dụng không áp lực lên đến 90 °C
Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài	0.064 kg/m
Cổng nối khí nén	cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 10 mm cho núm cắm bên trong Ø 6 mm
Màu sắc	màu đen
Lưu ý về màu sắc	do chống cháy sai lệch so với màu tiêu chuẩn
Độ cứng Shore	D 54 +/-3
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu ống	TPE-U(PU)